

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh
Nhà Khang Điền**

Các Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2014

Kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	8 - 34

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006559 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 5 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép niêm yết số 11/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 1 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê, mua bán nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở bán và cho thuê, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất; xây dựng dân dụng và công nghiệp; và tư vấn bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Phòng 603, Lầu 6, Tòa nhà Centec, 72-74 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lý Điền Sơn	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	Thành viên	
Ông David Robert Henry	Thành viên	Từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2014
Bà Hồ Thị Minh Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2014
Bà Mai Trần Thanh Trang	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Bảo	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vương Hoàng Thảo Linh	Trưởng ban kiểm soát	
Ông Trần Đức Thắng	Thành viên	
Bà Lê Thị Thu Huyền	Thành viên	Từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2014
Ông Hoàng Mạnh Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2014

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lý Điền Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Mai Trần Thanh Trang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Minh Thảo	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lý Điền Sơn.

Bà Hồ Thị Minh Thảo được Ông Lý Điền Sơn ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán quý 2.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 12.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính riêng và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ 2
ngày 30 tháng 6 năm 2014


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.196.433.310.310	641.086.768.880
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	152.831.583.872	74.962.998.603
111	1. Tiền		144.831.583.872	11.962.998.603
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.000.000.000	63.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		768.532.036.314	299.939.161.522
131	1. Phải thu khách hàng	5	15.287.010.763	15.398.354.697
132	2. Trả trước cho người bán	6	23.393.795.844	25.079.770.824
135	3. Các khoản phải thu khác	7	729.851.229.707	259.461.036.001
140	III. Hàng tồn kho		274.219.371.727	263.560.055.717
141	1. Hàng tồn kho	8	274.219.371.727	263.560.055.717
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		850.318.397	2.624.553.038
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		81.047.341	363.129.977
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		746.509.170	2.238.853.175
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	9	22.761.886	22.569.886
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.075.085.812.370	1.061.633.017.432
220	I. Tài sản cố định		2.855.325.145	3.210.964.147
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.855.325.145	3.210.964.147
222	Nguyên giá		7.240.997.924	7.240.997.924
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.385.672.779)	(4.030.033.777)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	Nguyên giá		84.000.000	84.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(84.000.000)	(84.000.000)
250	II. Các khoản đầu tư dài hạn		1.071.801.493.170	1.057.903.911.548
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	941.980.728.143	928.083.146.521
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	129.820.765.027	129.820.765.027
260	III. Tài sản dài hạn khác		428.994.055	518.141.737
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		103.171.895	124.489.577
268	2. Tài sản dài hạn khác		325.822.160	393.652.160
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.271.519.122.680	1.702.719.786.312

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2014

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		810.556.686.507	740.230.740.729
310	I. Nợ ngắn hạn		322.596.303.602	332.008.439.737
311	1. Vay ngắn hạn	14	26.000.000.000	500.000.000
312	2. Phải trả người bán		9.130.975.047	1.189.254.020
313	3. Người mua trả tiền trước	15	90.787.687.416	141.895.985.536
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	35.538.577.423	36.408.535.583
316	5. Chi phí phải trả	17	19.543.545.264	21.925.018.317
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	132.371.369.500	120.371.369.500
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.224.148.952	9.718.276.781
330	II. Nợ dài hạn		487.960.382.905	408.222.300.992
333	1. Phải trả dài hạn khác		373.038.500	382.038.500
334	2. Vay dài hạn	19	438.000.000.000	403.500.000.000
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	25.3	19.764.041.021	4.340.262.492
338	4. Doanh thu chưa thực hiện		29.823.303.384	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	20.1	1.460.962.436.173	962.489.045.583
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.460.962.436.173	962.489.045.583
411	1. Vốn cổ phần		750.000.000.000	480.699.740.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		604.692.159.925	498.373.400.000
414	3. Cổ phiếu quỹ		-	(55.093.331.075)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		23.080.064.900	23.080.064.900
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		11.539.532.450	11.539.532.450
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		71.650.678.898	3.889.639.308
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.271.519.122.680	1.702.719.786.312


Nguyễn Trần Cẩm Hiền
Người lập


Trà Thanh Trà
Kế toán trưởng



Hồ Thị Minh Thảo
Phó tổng giám đốc
Giấy ủy quyền số: 04/2014/QĐ-KĐ


Ngày 12 tháng 8 năm 2014


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG QUÝ 2
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu		16.820.208.689	99.490.909	86.819.414.996	69.528.221.823
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	(40.000.000.000)	-	(78.229.930.000)
10	3. Doanh thu thuần	21.1	16.820.208.689	(39.900.509.091)	86.819.414.996	(8.701.708.177)
11	4. Giá vốn	22	291.839.055	(966.161.701)	(44.518.156.815)	(9.923.095.066)
20	5. Lợi nhuận gộp		17.112.047.744	(40.866.670.792)	42.301.258.181	(18.624.803.243)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	63.372.157.205	1.886.085.364	64.163.699.302	3.063.343.255
22	7. Chi phí tài chính	23	(6.365.879.031)	(5.977.319.774)	(11.687.286.206)	(11.932.615.959)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(6.365.879.031)	(5.977.319.774)	(11.670.390.211)	(11.932.615.959)
24	8. Chi phí bán hàng		(2.581.251)	(75.000.000)	(5.162.502)	(75.000.000)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(3.567.258.575)	(3.459.610.779)	(7.734.611.531)	(7.974.744.405)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		70.548.486.092	(48.492.515.981)	87.037.897.244	(35.543.820.352)
31	11. Thu nhập khác	24	-	54.505.000	-	78.977.353
32	12. Chi phí khác	24	-	(1.200.000)	-	(4.266.250)
40	13. Lợi nhuận khác		-	53.305.000	-	74.711.103
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		70.548.486.092	(48.439.210.981)	87.037.897.244	(35.469.109.249)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(3.853.079.125)	-	(3.853.079.125)	-
52	16. Chi phí thuế thu TNDN hoãn lại	25.3	(11.681.411.431)	8.086.132.745	(15.423.778.529)	8.564.463.902
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		55.013.995.536	(40.353.078.236)	67.761.039.590	(26.904.645.347)


Nguyễn Trần Cẩm Hiền
Người lập


Trà Thanh Trà
Kế toán trưởng


Hồ Thị Minh Thảo
Phó tổng giám đốc
Giấy ủy quyền số: 04/2014/QĐ-KĐ

Ngày 12 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG QUÝ 2(tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014


VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận (lỗ) trước thuế		87.037.897.244	(35.469.109.249)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	10, 11	355.639.002	400.813.734
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(63.272.581.622)	(3.063.343.255)
06	Thu nhập từ lãi		(891.117.680)	(3.063.343.255)
07	Chi phí lãi vay	23	11.670.390.211	11.932.615.959
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		34.900.227.155	(26.199.022.811)
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		(408.645.743.921)	53.073.163.356
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		(3.787.516.011)	(3.564.069.037)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(9.257.967.376)	(12.014.429.263)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		303.400.318	496.934.269
13	Tiền lãi vay đã trả		(19.541.006.880)	(23.019.280.485)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25.2	(5.000.000.000)	(2.500.000.000)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(494.127.829)	(115.879.533)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(441.522.734.544)	(13.842.583.504)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	(20.000.000.000)
25	Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác		(120.965.000.000)	(90.054.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		118.553.467.800	81.217.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.090.501.013	6.960.740.477
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(1.321.031.187)	(21.876.259.523)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		375.619.019.925	-
32	Tiền thu từ bán cổ phiếu của Công ty đã phát hành		55.093.331.075	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		60.000.000.000	212.213.305.883
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(177.374.684.133)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		490.712.351.000	34.838.621.750

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		77.868.585.269	(880.221.277)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	74.962.998.603	101.222.542.446
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	152.831.583.872	100.342.321.169


Nguyễn Trần Cẩm Hiền
Người lập


Trà Thanh Trà
Kế toán trưởng


Hồ Thị Minh Thảo
Phó tổng giám đốc
Giấy ủy quyền số: 04/2014/QĐ-KĐ



Ngày 12 tháng 8 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006559 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 5 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép niêm yết số 11/QĐ-SDGHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 1 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê, mua bán nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở bán và cho thuê, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất; xây dựng dân dụng và công nghiệp; và tư vấn bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Phòng 603, Lầu 6, Tòa nhà Centec, 72-74 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 24 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 20).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam (“CMKTVN”) do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 12.1 (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”) và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, chủ yếu là bất động sản được mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, được nắm giữ như là hàng tồn kho và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Quyền sử dụng đất;
- Chi phí xây dựng và phát triển; và
- Chi phí vay, chi phí lập kế hoạch và thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, thuế chuyển nhượng bất động sản và các chi phí khác có liên quan.

Tiền hoa hồng không hoàn lại trả cho đại lý tiếp thị hoặc bán hàng trong việc bán các bất động sản được ghi nhận vào chi phí khi thanh toán.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán và chiết khấu cho giá trị thời gian của tiền tệ (nếu trọng yếu), trừ chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá thành của hàng tồn kho ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng đối với nghiệp vụ bán được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của bất động sản bán đi và phân bổ các chi phí chung dựa trên diện tích tương đối của bất động sản bán đi.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế hoặc giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Chi phí cải tạo văn phòng	5 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 5 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm kế toán	3 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 42 của Bộ luật Lao động.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ **Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân tố khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

▶ **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được ghi nhận như khoản nợ phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao vô điều kiện của các hợp đồng. Đối với việc chuyển giao có điều kiện, doanh thu chỉ được ghi nhận khi tất cả điều kiện trọng yếu được thỏa mãn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3.16 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009, hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản nợ vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Tiền mặt	140.036.763	110.220.206
Tiền gửi ngân hàng	144.691.547.109	11.852.778.397
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	63.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>152.831.583.872</u>	<u>74.962.998.603</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và hưởng tiền lãi theo lãi suất 7% mỗi năm.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bên liên quan	-	-
Bên thứ ba	15.287.010.763	15.398.354.697
TỔNG CỘNG	<u>15.287.010.763</u>	<u>15.398.354.697</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bên liên quan (Thuyết minh số 26)	1.000.000.000	1.000.000.000
Bên thứ ba	22.393.795.844	24.079.770.824
TỔNG CỘNG	<u>23.393.795.844</u>	<u>25.079.770.824</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2(tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Thuế TNDN tạm nộp (*)	62.121.854.021	62.119.722.599
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	596.034.566.944	196.753.233.611
Phải thu bên thứ 3	71.387.045.915	-
Khác	307.762.827	588.079.791
TỔNG CỘNG	<u>729.851.229.707</u>	<u>259.461.036.001</u>

(*) Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty thực hiện kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên doanh thu thu được tiền từ khách hàng trừ đi chi phí tương ứng.

8. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho bao gồm các dự án đang triển khai để phát triển các khu dân cư như sau:

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Dự án Khang Điền Long Trường (*)	196.950.315.654	182.531.645.430
Dự án Khang Điền Phước Long B	1.918.375.292	28.133.802.020
Dự án Khang Điền Phú Hữu – Topia Garden (*)	21.884.069.994	21.884.069.994
Dự án Mega Phú Hữu	53.466.610.787	31.010.538.273
TỔNG CỘNG	<u>274.219.371.727</u>	<u>263.560.055.717</u>

(*) Một phần trong dự án này đã được đem đi thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 19).

9. TÀI SẢN NGÁN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Tạm ứng	-	-
Khác	22.761.886	22.569.886
TỔNG CỘNG	<u>22.761.886</u>	<u>22.569.886</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Chi phí cải tạo văn phòng	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá:					
Số đầu kỳ	50.173.573	-	5.822.791.146	1.368.033.205	7.240.997.924
Mua mới	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	50.173.573	-	5.822.791.146	1.368.033.205	7.240.997.924
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	50.173.573	-	215.167.146	1.422.821.488	1.688.162.207
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu kỳ	(50.173.573)	-	(2.642.216.915)	(1.337.643.289)	(4.030.033.777)
Khấu hao trong kỳ	-	-	(350.476.500)	(5.162.502)	(355.639.002)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	(50.173.573)	-	(2.992.693.415)	(1.342.805.791)	(4.385.672.779)
Giá trị còn lại:					
Số đầu kỳ	-	-	3.180.574.231	30.389.916	3.210.964.147
Số cuối kỳ	-	-	2.830.097.731	25.227.414	2.855.325.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>VNĐ</i> <i>Phần mềm kế toán</i>
Nguyên giá:	
Số đầu kỳ và cuối kỳ	<u>84.000.000</u>
Trong đó:	
Đã khấu trừ hết	84.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu kỳ và cuối kỳ	<u>(84.000.000)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu kỳ và cuối kỳ	<u><u>-</u></u>

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

12.1 Đầu tư vào công ty con

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm</i> <i>2014</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm</i> <i>2013</i>	
	<i>VNĐ</i>	<i>Tỷ lệ</i> <i>sở hữu</i> <i>(%)</i>	<i>VNĐ</i>	<i>Tỷ lệ</i> <i>sở hữu</i> <i>(%)</i>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Gia Phước	61.009.200.000	99,90	61.009.200.000	99,90
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Sài Gòn Mùa Xuân	139.857.296.521	99,90	139.857.296.521	99,90
Công ty TNHH Phát triển Nhà và Xây dựng Hạ tầng Long Phước Điền	162.468.250.000	99,95	92.503.250.000	99,95
Công ty TNHH Đô thị Mê Ga	58.475.221.622	51,00	114.542.640.000	99,90
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Trí Minh	297.787.760.000	99,80	297.787.760.000	99,80
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Địa ốc Trí Kiệt	72.983.000.000	99,90	72.983.000.000	99,90
Công ty Cổ phần Vi La	49.500.000.000	99,90	49.500.000.000	99,90
Công ty TNHH Đầu tư Nhà Phố	<u>99.900.000.000</u>	99,90	<u>99.900.000.000</u>	99,90
TỔNG CỘNG	<u>941.980.728.143</u>		<u>928.083.146.521</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Gia Phước ("GP") là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102051945 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. GP có trụ sở đăng ký tại số 997/21/12 Đường Trần Xuân Soạn, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của GP là kinh doanh nhà; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở; cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh, kho bãi; và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thương mại, văn hóa, thể thao.

Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Sài Gòn Mùa Xuân ("SGMX"), trước đây là Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Khang Điền, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003229 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 3 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. SGMX có trụ sở đăng ký tại số 559 Đường Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của SGMX là kinh doanh bất động sản và thực hiện các công trình xây dựng dân dụng và kỹ thuật.

Vào ngày 10 tháng 3 năm 2014, Công ty TNHH Phát triển Nhà và Xây dựng Hạ tầng Long Phước Điền ("LPĐ") nhận Giấy đăng ký kinh doanh điều chỉnh từ Sở KH&ĐT Thành Phố Hồ Chí Minh phê duyệt việc tăng vốn góp từ 70 tỷ VNĐ đến 140 tỷ VNĐ. Theo đó, Công ty tăng số vốn góp tương ứng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại "LPĐ", Công ty TNHH Phát triển Nhà và Xây dựng Hạ tầng Long Phước Điền ("LPĐ") là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102033561 ngày 30 tháng 9 năm 2005 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. LPĐ có trụ sở đăng ký tại Phòng 603, Lầu 6, Tòa nhà Centec, 72-74 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của LPĐ là kinh doanh bất động sản, thực hiện các công trình xây dựng dân dụng và kỹ thuật, trang trí nội – ngoại thất, san lấp mặt bằng và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Vào ngày 20 tháng 6 năm 2014, Công ty đã chuyển nhượng 48.90% quyền sở hữu của Công ty trong Công ty TNHH Đô thị Mê Ga ("MG") cho các nhà đầu tư và theo đó giảm tỉ lệ sở hữu của Công ty tại "MG" từ 99,90% còn 51%. Việc chuyển nhượng khoản đầu tư này được phê duyệt bởi Hội đồng Thành viên và Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2014. Công ty TNHH Đô thị Mê Ga ("MG") là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102046748 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 1 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. MG có trụ sở đăng ký tại Phòng 603, Lầu 6, Tòa nhà Centec, 72-74 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của MG là kinh doanh bất động sản.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Trí Minh ("TM") là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102065033 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. TM có trụ sở đăng ký tại Phòng 603, Lầu 6, Tòa nhà Centec, 72-74 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TM là kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà các loại và thực hiện các công trình xây dựng dân dụng và kỹ thuật. Một phần cổ phiếu của TM đã được đem đi thế chấp cho khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 19*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Địa ốc Trí Kiệt ("TK") là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102014172 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 2 năm 2003, và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. TK có trụ sở đăng ký tại Phòng 603, Lầu 6, Tòa nhà Centec, 72-74 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TK là kinh doanh bất động sản, thực hiện các công trình xây dựng dân dụng và kỹ thuật.

Công ty Cổ phần Vi La ("Vi La"). là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310332686 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 9 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. Vi La có trụ sở đăng ký tại số 85A Đường Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Vi La là kinh doanh bất động sản, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp và tư vấn môi giới bất động sản.

Công ty TNHH Đầu tư Nhà Phố ("NP"). là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312519827 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. NP có trụ sở đăng ký tại 155 Đường Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của NP là kinh doanh bất động sản.

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư thực tế của Công ty vào các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</u>	
	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	96.420.765.027	30,00	96.420.765.027	30,00
Công ty TNHH Địa ốc Minh Á	<u>33.400.000.000</u>	33,40	<u>33.400.000.000</u>	33,40
TỔNG CỘNG	<u>129.820.765.027</u>		<u>129.820.765.027</u>	

Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông ("KĐ"), trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309344729 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 9 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. KĐ có trụ sở đăng ký tại Lầu 6, Tòa nhà Centec, 72-74 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của KĐ là kinh doanh và tư vấn bất động sản.

Công ty TNHH Địa ốc Minh Á ("MA") là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102040481 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 6 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. MA có trụ sở đăng ký tại số 143 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của MA là kinh doanh bất động sản, thực hiện các công trình xây dựng dân dụng và kỹ thuật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2(tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

13. CHI PHÍ LÃI VAY VỐN HÓA

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay với số tiền là 4.896.295.556 VNĐ (cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 5.687.500.000 VNĐ). Chi phí này liên quan đến khoản vay nhằm tài trợ cho việc xây dựng và phát triển dự án Khang Điền Long Trường.

14. VAY NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	26.000.000.000	500.000.000
TỔNG CỘNG	26.000.000.000	500.000.000

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bên liên quan (Thuyết minh số 26)	35.591.269.366	74.033.285.655
Bên thứ ba	55.196.418.050	67.862.699.881
TỔNG CỘNG	90.787.687.416	141.895.985.536

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.2)	34.795.378.996	35.940.167.465
Thuế thu nhập cá nhân	743.198.427	468.368.118
TỔNG CỘNG	35.538.577.423	36.408.535.583

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Chi phí xây dựng phải trả	865.016.364	11.148.011.636
Chi phí lãi vay	18.568.710.362	10.667.188.143
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	81.947.138	81.947.138
Khác	27.871.400	27.871.400
TỔNG CỘNG	19.543.545.264	21.925.018.317

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2(tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	125.950.000.000	120.050.000.000
Bên thứ ba	<u>6.421.369.500</u>	<u>321.369.500</u>
TỔNG CỘNG	<u>132.371.369.500</u>	<u>120.371.369.500</u>

19. VAY DÀI HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Vay ngân hàng (i)	464.000.000.000	404.000.000.000
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 14</i>)	26.000.000.000	500.000.000
Vay dài hạn	438.000.000.000	403.500.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

19. VAY DÀI HẠN (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Bên cho vay	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngày 30 tháng 6 năm 2014 VND				
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Hợp đồng vay số. HCM/13/0929/HĐTD ngày 22 tháng 5 năm 2013	60 tháng	Hoàn vốn góp đầu tư dự án khu dân cư Trí Minh	11,7%/năm	- Quyền sử dụng 57.556 m ² đất gắn liền nhà thuộc dự án khu dân cư Trí Minh sở hữu bởi TM - Toàn bộ khoản phải thu khách hàng phát sinh từ các hợp đồng mua bán nhà thuộc dự án khu dân cư Trí Minh sở hữu bởi TM - 99,8% vốn điều lệ của TM
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Hợp đồng vay số LD1208200021 ngày 24 tháng 3 năm 2012	36 tháng	Góp vốn vào TM	13%/năm	Quyền sử dụng 27.455 m ² đất gắn liền nhà thuộc các lô 1019; 368; 342; 341; 260; 259; 258; 576 và 577 thuộc dự án khu dân cư Phú Hữu sở hữu bởi GP
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>				
Hợp đồng vay số LD1405900020 ngày 03 tháng 03 năm 2014	36 tháng	Góp vốn vào Long Phước Điền	12%/năm	Quyền sử dụng 54.109 m ² đất gắn liền nhà thuộc dự án khu dân cư Long Phước Điền
Hợp đồng vay số LD133700058 ngày 5 tháng 12 năm 2013	24 tháng	Góp vốn vào NP	12%/năm	Tất cả tài sản có của NP trị giá 100.000.000.000 VND
Hợp đồng vay số LD1222900189 ngày 17 tháng 8 năm 2012	60 tháng	Tài trợ cho dự án Khang Điền Long Trường	13%/năm	Quyền sử dụng 122.673,9 m ² đất gắn liền nhà thuộc dự án khu dân cư Long Trường sở hữu bởi Khang Điền
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>		1.000.000.000		
TỔNG CỘNG		464.000.000.000		

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VNĐ						
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013							
Số đầu năm	439.000.000.000	498.373.400.000	(34.200.918.383)	23.080.064.900	11.539.532.450	147.365.807.009	1.085.157.885.976
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(26.904.645.347)	(26.904.645.347)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	41.699.740.000	-	-	-	-	(41.699.740.000)	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	480.699.740.000	498.373.400.000	(34.200.918.383)	23.080.064.900	11.539.532.450	115.763.461.098	1.058.253.240.629
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014:							
Số đầu năm	480.699.740.000	498.373.400.000	(55.093.331.075)	23.080.064.900	11.539.532.450	3.889.639.308	962.489.045.583
Tăng vốn điều lệ	269.300.260.000	94.035.091.000	-	-	-	-	363.335.351.000
Mua bán Cổ phiếu quỹ	-	12.283.668.925	55.093.331.075	-	-	-	67.377.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	67.761.039.590	67.761.039.590
Ngày 30 tháng 6 năm 2014	750.000.000.000	604.692.159.925	-	23.080.064.900	11.539.532.450	71.650.678.898	1.460.962.436.173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.1 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

VNĐ

Ngày 30 tháng 6 năm 2014 Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu

Vốn góp đầu kỳ	480.699.740.000	439.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	269.300.260.000	41.699.740.000
Vốn góp cuối kỳ	<u>750.000.000.000</u>	<u>480.699.740.000</u>

20.2 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

Ngày 30 tháng 6 năm 2014 Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số cổ phiếu Số cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	75.000.000	48.069.974
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	75.000.000	48.069.974
Số lượng cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	-	(4.331.240)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	75.000.000	43.738.734

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VNĐ

Quý 2

Lũy kế từ đầu năm
đến cuối quý 2

Năm nay Năm nay Năm nay Năm trước

Tổng doanh thu				
Trong đó				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.820.208.689	99.490.909	86.819.414.996	69.545.925.460
Các khoản giảm trừ doanh thu				
Hàng bán bị trả lại	-	(40.000.000.000)	-	(78.229.930.000)
DOANH THU THUẬN	<u>16.820.208.689</u>	<u>(39.900.509.091)</u>	<u>86.819.414.996</u>	<u>(8.701.708.177)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2		VNĐ Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Lãi chuyển nhượng cổ phần	63.272.581.622	-	63.272.581.622
Lãi tiền gửi	99.575.583	1.866.085.364	891.117.680	3.063.343.255
TỔNG CỘNG	63.372.157.205	1.866.085.364	64.163.699.302	3.063.343.255

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý 2		VNĐ Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Giá vốn cung cấp dịch vụ tư vấn	-	-	-
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	(291.839.055)	966.161.701	44.518.156.815	9.923.095.066
TỔNG CỘNG	(291.839.055)	966.161.701	44.518.156.815	9.923.095.066

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 2		VNĐ Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Chi phí lãi tiền vay	6.365.879.031	5.977.319.774	11.687.286.206
TỔNG CỘNG	6.365.879.031	5.977.319.774	11.687.286.206	11.932.615.959

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý 2		VNĐ Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm nay	Năm nay	Năm trước
	Thu nhập khác	-	54.505.000	-
Thanh lý tài sản	-	54.505.000	-	73.105.000
Khác	-	-	-	5.872.353
Chi phí khác	-	(1.200.000)	-	(4.266.250)
Tiền phạt	-	(1.200.000)	-	(1.200.000)
Thanh lý TSCĐ	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	(3.066.250)
GIÁ TRỊ THUẬN	-	53.305.000	-	74.711.103

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2(tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.853.079.125	-
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	<u>15.423.778.529</u>	<u>(8.564.463.902)</u>
TỔNG CỘNG	<u>19.276.857.654</u>	<u>(8.564.463.902)</u>

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2(tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận (lỗ) trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và (lỗ tính thuế) lợi nhuận chịu thuế ước tính:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	87.037.897.244	(35.469.109.249)
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Thay đổi chi phí phải trả	102.000.000	20.333.334
Lãi vay	11.670.390.211	9.434.636.328
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(9.000.000)	-
Chi phí không được khấu trừ	482.182.998	1.211.253.642
Lợi nhuận chuyển nhượng bất động sản chưa chịu thuế của những năm trước đã thực hiện trong kỳ	4.506.417.538	20.138.112.525
Lợi nhuận (lỗ tính thuế) chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	103.789.887.991	(4.664.773.420)
Lỗ năm trước chuyển sang	(86.275.891.970)	-
Lợi nhuận tính thuế	17.513.996.021	-
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành	3.853.079.125	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	35.940.167.465	29.473.140.663
Thuế TNDN tạm tính trên doanh thu thu tiền	2.132.406	2.509.758.492
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(5.000.000.000)	(2.500.000.000)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	34.795.378.996	29.482.899.155

25.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VNĐ			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Lỗ tính thuế	-	18.980.696.233	(18.980.696.233)	1.166.193.355
Trợ cấp				
thôi việc phải trả	82.068.470	84.048.470	(1.980.000)	-
Phí dịch vụ	30.760.078	30.760.078	-	5.083.334
Lãi vay	18.285.936.015	15.718.450.169	2.567.485.846	2.358.659.082
Lợi nhuận chuyển nhượng bất động sản chưa chịu thuế	(38.162.805.584)	(39.154.217.442)	991.411.858	5.034.528.131
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(19.764.041.021)	(4.340.262.492)	(15.423.778.529)	8.564.463.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2(tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>VNĐ</i> <i>Số tiền</i>
Công ty TNHH Phát triển Nhà và Xây dựng Hạ tầng Long Phước Điền	Công ty con	Nhận tạm ứng Tăng vốn	16.500.000.000 69.965.000.000
Công ty TNHH Đô thị Mê Ga	Công ty con	Nhận tạm ứng Hoàn trả tạm ứng Doanh thu	26.000.000.000 5.000.000.000 39.212.566.942
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Sài Gòn Mùa Xuân	Công ty con	Hoàn trả tạm ứng Nhận tạm ứng	9.000.000.000 4.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Trí Minh	Công ty con	Cho tạm ứng Hoàn trả tạm ứng	306.000.000.000 52.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	Công ty liên kết	Hoàn trả tạm ứng	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Vi La	Công ty con	Tạm ứng	2.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hoa Lộc Vũng	Bên liên quan	HĐ hợp tác Đầu Hoàn trả tạm ứng	105.150.000.000 35.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Nhà Phố	Công ty con	Tạm ứng	6.333.333.332

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Trả trước cho người bán

Công ty Cổ phần Vi La	Công ty con	Tạm ứng	1.000.000.000
TỔNG CỘNG			<u>1.000.000.000</u>

Phải thu khác

Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hoa Lộc Vũng	Bên liên quan	Tạm ứng	105.702.800.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Địa ốc Gia Phước	Công ty con	Tạm ứng	15.583.613.667
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Trí Minh	Công ty con	Tạm ứng	254.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Nhà Phố	Công ty con	Tạm ứng	121.800.000.000
Công ty TNHH Tư Vấn Lê Gia	Bên liên quan	HĐCN	83.538.000.000
Công ty Cổ phần Vi La	Công ty con	Lãi vay Tạm ứng	10.797.853.277 4.112.300.000
TỔNG CỘNG			<u>596.034.566.944</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

			VNĐ
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Phải thu (phải trả)</i>
Người mua trả tiền trước			
Công ty TNHH Đô thị Mê Ga	Công ty con	Nhận tạm ứng	<u>35.591.269.366</u>
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			
Công ty TNHH Đầu tư Nhà Phố	Công ty con	Nhận tạm ứng	(65.700.000.000)
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Trí Kiệt	Công ty con	Nhận tạm ứng	(2.150.000.000)
Công ty TNHH Đô thị Mê Ga	Công ty con	Nhận tạm ứng	(26.000.000.000)
Công ty TNHH Phát triển Nhà và Xây dựng Hạ tầng Long Phước Điền	Công ty con	Nhận tạm ứng	(7.600.000.000)
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Sài Gòn Mùa Xuân	Công ty con	Nhận tạm ứng	(24.500.000.000)
TỔNG CỘNG			<u>(125.950.000.000)</u>

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Đến 1 năm	552.096.000	547.560.000
Trên 1 đến 5 năm	92.016.000	365.040.000
TỔNG CỘNG	<u>644.112.000</u>	<u>912.600.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2(tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động mua bán và phát triển các danh mục bất động sản của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro về bất động sản, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- ▶ độ nhạy của bảng cân đối kế toán riêng liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán; và
- ▶ độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến vay và nợ dài hạn với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi chủ yếu ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	VNĐ		
	Tăng (giảm) điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh dẫn dắt trên bảng cân đối kế toán riêng	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014			
VNĐ	250	3.725.000.000	(5.375.000.000)
VNĐ	-250	(3.725.000.000)	5.375.000.000
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013			
VNĐ	250	3.725.000.000	(6.375.000.000)
VNĐ	-250	(3.725.000.000)	6.375.000.000

Rủi ro về bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản: (i) việc chi phí của các đề án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi đề án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch; (ii) rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu là tiền gửi ngân hàng).

Rủi ro tín dụng liên quan đến khoản phải thu từ chuyển nhượng bất động sản

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng bằng cách yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi thực hiện chuyển giao quyền sở hữu, do vậy, rủi ro tín dụng khách hàng được giảm thiểu đáng kể.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Ban Tổng Giám đốc theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng tại mỗi thời điểm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>VNĐ Tổng cộng</i>
Ngày 30 tháng 6 năm 2014			
Vay và nợ	26.000.000.000	438.000.000.000	464.000.000.000
Phải trả người bán	9.130.975.047	-	9.130.975.047
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	151.914.914.764	-	151.914.914.764
	187.045.889.811	438.000.000.000	625.045.889.811
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Vay và nợ	500.000.000	403.500.000.000	404.000.000.000
Phải trả người bán	1.189.254.020	-	1.189.254.020
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	161.296.387.817	-	161.296.387.817
	162.985.641.837	403.500.000.000	566.485.641.837

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần quyền sử dụng đất của các dự án và một phần khoản đầu tư vào cổ phiếu của TM làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng (Thuyết minh số 19). Ngân hàng có trách nhiệm trả lại quyền sử dụng đất này cho Công ty. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

29. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay và nợ được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm, rủi ro tín dụng và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, giá trị ghi sổ của các khoản vay không có khác biệt trọng yếu so với giá trị hợp lý của chúng.

30. Giải trình tăng (giảm) lợi nhuận so với cùng kỳ.

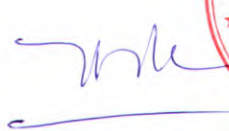
Trong Quý 2 năm 2014 Công ty Khang Điền có chuyển nhượng 51% vốn điều lệ của Công ty TNHH Kinh Doanh Bất Động Sản Phước Long, bên cạnh đó Công ty Khang Điền cũng chuyển nhượng 48,9% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đô thị Mê Ga. Do đó Quý 2 năm 2014 Công ty đạt lợi nhuận sau thuế 55 tỷ đồng tăng hơn 10% so với cùng kỳ.

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

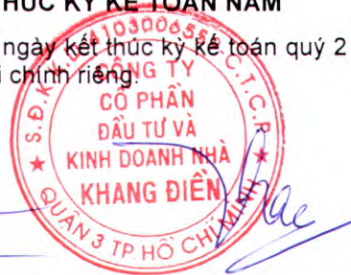
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán quý 2 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Trần Cẩm Hiền
Người lập



Trà Thanh Trà
Kế toán trưởng



Hồ Thị Minh Thảo
Phó tổng giám đốc
Giấy ủy quyền số: 04/2014/QĐ-KĐ

Ngày 12 tháng 8 năm 2014

